

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **65/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 27-12-2023
V/v “tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thường.

2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Kiều Thị Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 183/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị T V**, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Châu H Đ**, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Chị V và anh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị T V trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và Châu H Đ, quen biết và được gia đình tác hợp tiến tới hôn nhân. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P,

huyện T, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 18/3/2013.

Quá trình sống chung, trong khoảng thời gian đầu đời sống vợ chồng không mâu thuẫn gì. Đến năm 2021, thì có phát sinh cự cãi, bất đồng quan điểm, chị và anh Đ đã sống ly thân cho đến nay. Nay, chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Châu H Đ.

- Về con chung: Quá trình sống chung, giữa chị V và anh Đ có 03 con chung là cháu Châu Thị N T, sinh ngày 04/7/2013, Châu A K, sinh ngày 26/7/2015 và Châu Ngọc T V1, sinh ngày 06/02/2018. Hiện các con chung đang sống cùng anh Đ. Khi ly hôn, chị V đồng ý giao 03 con chung cho anh Đ được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 08/12/2023, bị đơn anh Châu H Đ trình bày:**

Anh và chị Bùi Thị T V là vợ chồng, tự tìm hiểu, quen biết rồi tiến tới hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P như chị V trình bày. Từ năm 2021, chị V đi làm rồi không về nhà, anh có phát hiện chị V đã có phát sinh tình cảm với người khác. Từ đó hai vợ chồng sống ly thân và không còn tình cảm với nhau. Nay chị V yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Khi ly hôn, anh Đ đồng ý tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung là cháu Châu Thị N T, sinh ngày 04/7/2013, Châu A Ka, sinh ngày 26/7/2015 và Châu Ngọc T V1, sinh ngày 06/02/2018. Không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:**

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, không ý kiến, kiến nghị bổ sung gì.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị T V, cho chị V ly hôn với anh Châu H Đ, giao 03 con chung là các cháu Châu Thị N T, sinh ngày 04/7/2013, Châu A K, sinh ngày 26/7/2015 và Châu Ngọc T V1, sinh ngày 06/02/2018 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra, buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại

phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn chị V yêu cầu ly hôn với anh Đn và yêu cầu giải quyết về con chung. Anh Đoàn có nơi thường trú tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, chị V và anh Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị V và anh Đ.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị T V và anh Châu H Đ tự tìm hiểu, quen biết rồi tiến tới hôn nhân. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 18/3/2013. Như vậy, hôn nhân giữa anh, chị là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn giữa anh, chị không mâu thuẫn gì nhưng đến năm 2021, thì tình cảm giữa hai vợ chồng bắt đầu có những rạn nứt không thể hàn gắn được. Chị V và anh Đ cũng đã ly thân từ đó đến nay và không có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị V yêu cầu ly hôn với anh Đ và được anh Đ đồng ý ly hôn. Như vậy, hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn anh Châu H Đ của chị Bùi Thị T V.

[4]. *Về con chung:* Chị V và anh Đ có 03 con chung là các cháu Châu Thị N T, sinh ngày 04/7/2013, Châu A K, sinh ngày 26/7/2015 và Châu Ngọc T V1, sinh ngày 06/02/2018, hiện các cháu đang sống ổn định cùng anh Đ. Khi ly hôn, chị V yêu cầu tiếp tục giao 03 con chung cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay các con chung đang chung sống cùng anh Đ và từ năm 2021, khi chị V và anh Đ ly thân các cháu đã và đang sinh sống cùng anh Đ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/12/2023, anh Đ cũng thống nhất sẽ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung; Tại Bản tự khai cháu Châu Thị N T cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng anh Đ. Căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao các con chung cho anh Châu H Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

[5]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do anh Châu H Đ không có yêu cầu xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị V và anh Đ xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. *Về án phí:* Chị Bùi Thị T V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. *Về quyền kháng cáo*: Chị Bùi Thị T V và anh Châu H Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9]. Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T V. Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị T V và anh Châu H Đ.

2. Về con chung: Giao 03 (ba) con chung giữa chị Bùi Thị T V và anh Châu H Đ là các cháu Châu Thị N T, sinh ngày 04/7/2013, Châu A K, sinh ngày 26/7/2015 và Châu Ngọc T V1, sinh ngày 06/02/2018 cho anh Châu H Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.1. Chị Bùi Thị T V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2. Anh Châu H Đ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bùi Thị T V chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do anh Châu H Đ không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012037 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị V đã thi hành xong nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T V và anh Châu H Đ có quyền kháng

cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã P;
- Các đương sự:
 - + Bùi Thị T V;
 - + Châu H Đ.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Thạch Hải Âu